

Bản án số: **106/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 24/ 7/ 2026

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Văn Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lang Thị Hằng.

2/ Bà Nguyễn Lê Vinh Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Vi Thị Nhuận – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Vi Thị Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 205/2026/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lang Thị T**, sinh năm: 1995.

Số định danh công dân: 040195011001.

Địa chỉ ĐKTT: **Bản T** (bản Độ 3 cũ), **xã C, tỉnh Nghệ An**.

Tạm trú: **Bản Gia H** (bản Hội 2 cũ), **xã Q, tỉnh Nghệ An**. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Lang Văn T1**, sinh năm: 1992.

Số định danh công dân: 040092043115.

Địa chỉ: **Bản T** (bản Đ 3 cũ), **xã C, tỉnh Nghệ An**. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2026 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Lang Thị T** trình bày:

Chị **Lang Thị T** và anh **Lang Văn T1** đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q cũ (Sau sắp xếp, sáp nhập nay là **xã Q, tỉnh Nghệ An**). Qua một thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, những năm gần đây giữa vợ chồng bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, theo chị **T** trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do vợ chồng phát sinh nhiều quan điểm trái ngược

nhau về lối sống, xây dựng hạnh phúc gia đình, không còn sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, cũng như không còn tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, có những lời nói, hành động gây tổn thương lẫn nhau, cuộc sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân, mặc dù nhiều lần cố gắng tha thứ để hàn gắn tình cảm nhưng không thành, chị **Lang Thị T** xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống xây dựng hạnh phúc gia đình lâu dài nên đề nghị được giải quyết ly hôn với anh **Lang Văn T1**.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau, giữa chị **T** và anh **T1** có 03 (ba) con chung là **Lang Triệu M**, sinh ngày 10/3/20014; **Lang My Z**, sinh ngày 06/5/2016 và **Lang Hoàng B**, sinh ngày 25/10/2021. Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai ban đầu chị **T** đề nghị giao cho mình trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (hai) người con đầu **Lang Triệu M** và **Lang My Z** và giao cho anh **T1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng người con **Lang Hoàng B**, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tuy nhiên sau khi cân nhắc, xem xét về mọi mặt, nhận thấy bản thân chưa đảm bảo tốt nhất về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên chị **T** thay đổi ý kiến đồng ý giao 03 (ba) người con chung cho anh **T1** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng thời tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị **T**.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Lang Thị T** không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh **Lang Văn T1**: Anh **T1** và chị **T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã **C**, tỉnh Nghệ An (Sau sắp xếp, sáp nhập nay là **UBND xã Q**, tỉnh Nghệ An). Theo bị đơn giữa vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, không có hành vi đánh đập hay xúc phạm gì đối với nhau, do có một số hiểu lầm dẫn tới chị **T** không chấp nhận trở lại chung sống đoàn tụ mà yêu cầu giải quyết ly hôn, anh **T1** thấy rằng mâu thuẫn giữa hai bên chưa thực sự trầm trọng nên mong muốn chị **T** suy nghĩ lại để đoàn tụ cùng chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, do đó anh **T1** không đồng ý ly hôn.

Về con chung, nếu chị **T** kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn anh **T1** đề nghị giao cả 03 (ba) người con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị **T** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Phần tài sản chung anh **T1** không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của con chung, cháu **Lang Triệu M**, sinh ngày 10/3/2014 và **Lang My Z**, sinh ngày 06/5/2026 đều có nguyện vọng được tiếp tục học tập, sống cùng với bố và em trai **Lang Hoàng B**, sinh ngày 25/10/2021.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tại phiên tòa: Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có mặt tham gia

giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn cùng có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, do đó cần xem xét áp dụng quy định bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định.

Đề nghị áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; 35; 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung); điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, cho chị **Lang Thị T** được ly hôn anh **Lang Văn T1**.

Xem xét, tiếp tục giao 03 (ba) con chung **Lang Triệu M**, sinh ngày 10/3/2014, **Lang My Z**, sinh ngày 06/5/2016 và **Lang Hoàng B**, sinh ngày 25/10/2021 cho anh **Lang Văn T1** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị **Lang Thị T** là phù hợp, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, nếu như có tranh chấp xảy ra sau này dành quyền khởi kiện lại cho các đương sự có quyền yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

Buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Lang Thị T** đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh **Lang Văn T1**, đề nghị xem xét giao nuôi con chung chưa đủ 18 tuổi cho nhau chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

[1.1] Sau khi xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, xác minh tại địa phương và qua lời khai của các đương sự, xác định bị đơn anh **Lang Văn T1** có nơi đăng ký thường trú tại bản Trung Độ (bản Độ 3 cũ), **xã C, tỉnh Nghệ An**. Căn cứ quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung), vụ án được xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An là đúng quy định.

[1.2] Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho các đương sự biết để tham gia giải quyết vụ án, sau khi tiến hành hòa giải các đương sự không thống nhất

giải quyết được nội dung tranh chấp, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải thành nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định. Trước khi vụ án được đưa ra xét xử nguyên đơn và bị đơn cùng có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng tại phiên tòa theo quy định.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã chấp hành, thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự, tuy nhiên các đương sự không thống nhất thỏa thuận giải quyết được những nội dung tranh chấp, do đó vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được giữa các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Qua xác minh và lời khai của đương sự cung cấp xác định, chị **Lang Thị T** và anh **Lang Văn T1** đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 15/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q cũ (Sau sắp xếp, sáp nhập nay là UBND xã Q, tỉnh Nghệ An). Hôn nhân giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn, thủ tục đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, do đó hôn nhân giữa hai bên được công nhận hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, trong những năm gần đây đã nảy sinh những mâu thuẫn, do vợ chồng có những quan điểm trái ngược về lối sống, xây dựng kinh tế, hạnh phúc gia đình, không còn sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, có những hành vi gây tổn thương lẫn nhau, vợ chồng đã sống ly thân không còn sự quan tâm, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng, không còn hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án và xác minh tại địa phương về mâu thuẫn cho thấy, vợ chồng có những mâu thuẫn không thể hòa giải, đã sống ly thân, trong thời gian ly thân không có cố gắng, nỗ lực gì để hàn gắn tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vẫn kiên quyết giữ nguyên ý kiến yêu cầu được giải quyết ly hôn, nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Lang Thị T** giải quyết cho ly hôn đối với anh **Lang Văn T1**.

[4] Về con chung: Qua xem xét tài liệu, lời khai, chứng cứ do các đương sự cung cấp, cũng như xác minh về điều kiện, hoàn cảnh và môi trường sống, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng, nguyện vọng của con chung và ý kiến của đương sự, thấy rằng việc giao nuôi con chung khi giải quyết ly hôn phải đảm bảo tôn trọng nguyện vọng, quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho sự phát triển, trưởng thành của con chung về sau. Xét thấy nguyên đơn và bị đơn đều đang trong độ tuổi lao động, có thu nhập nuôi con, nhưng căn cứ vào tài liệu, chứng cứ khách quan thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cho thấy, từ lúc vợ chồng sống ly thân anh **T1** là bên trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo chi phí cho các con chung học tập, quá trình giải quyết chị **T** thay đổi ý kiến đồng ý giao các con chung cho anh **T1** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo môi trường sống, học tập và

sự gần gũi về mặt tình cảm giữa các con chung, nhận thấy việc tiếp tục giao các con chung chưa đủ 18 tuổi, trưởng thành cho anh **T1** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng để nhằm đảm bảo không làm xáo trộn nơi ở, sinh hoạt và học tập, tạo sự gần gũi về mặt tình cảm gia đình, cũng như phù hợp với nguyện vọng của các con chung là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nguyên đơn cam kết đảm bảo về thu nhập, nơi ở ổn định để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung về mọi mặt cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, bị đơn có ý kiến đề nghị tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với mình, do đó cần xem xét tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bị đơn là phù hợp.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Người không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với phần tài sản chung, nợ chung. Bị đơn cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Xét thấy, đề nghị của các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước hoặc với bên thứ ba, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chưa được giải quyết (nếu có), sau này nếu như có xảy ra tranh chấp hai bên có quyền tự thỏa thuận giải quyết hoặc yêu cầu khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lang Thị T** được ly hôn anh **Lang Văn T1**.

2. Về con chung: Giao 03 (ba) con chung **Lang Triệu M**, sinh ngày 10/3/2014, **Lang My Z**, sinh ngày 06/5/2016 và **Lang Hoàng B**, sinh ngày 25/10/2021 cho anh **Lang Văn T1** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi về người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị **Lang Thị T**.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Người không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị **Lang Thị T** chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0004134 ngày 02/6/2026 tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 10 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hà Văn Đông